

Số: 84 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ
khu Tây huyện Ba Tư giai đoạn 2011-2020

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 170
ĐẾN	Ngày: 22/01/15
	Chuyên: CHỦ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư tại Tờ trình số 21/TTr-BQL ngày 29/10/2014 về việc xin phê duyệt điều chỉnh Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 3001/BCTĐ-SNNPTNT ngày 25/12/2014 về việc báo cáo kết quả thẩm định Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư giai đoạn 2011-2020 và Công văn số 40/SNNPTNT ngày 12/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư giai đoạn 2011-2020, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư, giai đoạn 2011-2020.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn và sản xuất Nông lâm nghiệp Hạnh Nhân.

4. Địa điểm lập dự án: Trên địa bàn phạm vi của 07 xã: Ba Giang, Ba Lễ, Ba Nam, Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vì và Ba Xa huyện Ba Tư; gồm 35 tiểu

khu: 352; 355; 359; 360; 362; 367; 368; 371; 372; 375; 377; 381; 388; 392; 399; 409; 423; 432; 435; 436; 441; 442; 443; 446; 447; 448; 449; 450; 452; 453; 454; 455; 456; 457; 459.

- Toạ độ địa lý:

+ Từ 14⁰ 31' 57" đến 14⁰ 53' 54" vĩ độ Bắc;

+ Từ 108⁰ 28' 50" đến 108⁰ 53' 50" kinh độ Đông.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ dự án

- Nhằm rà soát diện tích rừng và đất lâm nghiệp để xây dựng, quản lý đầu tư chặt chẽ diện tích đất lâm nghiệp trong vùng dự án.

- Xác định được tổng vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư giai đoạn từ năm 2015-2020.

- Xây dựng suất đầu tư cho các hạng mục là rất cần thiết đặc biệt là suất đầu tư cho hạng mục trồng rừng phòng hộ.

6. Qui mô và nội dung của dự án

a) Qui mô của dự án: Tổng diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch cho bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn này là 17.333,82 ha, trong đó tổng diện tích đưa vào quy hoạch tác động các biện pháp lâm sinh là 16.489,99 ha.

b) Nội dung dự án

b1) Khối lượng giai đoạn 2011-2020:

Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng khối lượng được phê duyệt	Khối lượng đã thực hiện từ 2011-2014	Khối lượng dự án điều chỉnh giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định này	Tăng/giảm (+/-)
A. Lâm sinh					
I. Bảo vệ rừng:	ha	14.711	6.791	13.244	-1.467
II. Phát triển rừng:					
1. Khoanh nuôi tái sinh rừng	ha			570	570
2. Trồng mới và chăm sóc rừng:					
a. Trồng mới	ha	200	158	458	50
b. Chăm sóc và bảo vệ rừng 3 năm	ha	376	301	601	-126
3. Hỗ trợ trồng cây phân tán	đồng			310.000.000	265.000.000
B. Cơ sở hạ tầng					
- Đường nội vùng dự án.	km	12		12	-2
- Xây mới và sửa chữa trạm BVR.	trạm	2	1	3	-1
- Chòi canh lửa.	chòi	3		1	-2
- Bảng thông tin tuyên truyền	cái			5	5
- Dụng cụ PCCCR	đồng			281.904.000	281.904.000

b2) Nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng từ năm 2015-2020:

* Về lâm sinh:

- Khoán bảo vệ rừng : 13.243,86 ha.
- Phát triển rừng:
 - + Khoanh nuôi tái sinh rừng: 570,12 ha.
 - + Trồng mới và chăm sóc rừng: 300,00 ha.
 - + Chăm sóc rừng đã trồng (chuyển sang): 40,50 ha.
 - + Hỗ trợ trồng cây phân tán: 310.000.000 đồng.
- * Xây dựng cơ sở hạ tầng:
 - Đường nội vùng dự án: 12 km.
 - Xây dựng mới trạm BVR: 1 trạm.
 - Sửa chữa trạm QLBV, tường rào công ngõ: 1 cái.
 - Chòi canh lửa: 1 chòi.
 - Bảng thông tin tuyên truyền: 5 cái.
 - Mua sắm dụng cụ PCCCR: 281.904.000 đồng.

7. Tổng vốn đầu tư của dự án

a) Tổng vốn đầu tư của dự án giai đoạn 2011-2020 (đã bố trí vốn thực hiện từ năm 2011-2014)

ĐVT: Đồng

Hạng mục	Tổng vốn và nguồn vốn được phê duyệt	Tổng vốn và nguồn vốn đã thực hiện từ 2011-2014	Tổng vốn và nguồn vốn dự án điều chỉnh giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định này	Tăng/giảm (+/-)
I. Phân theo hạng mục	18.579.226.200	6.100.236.000	47.291.239.663	28.712.013.463
1. Lâm sinh	15.987.216.800	6.000.236.000	41.914.225.132	25.927.008.332
2. Cơ sở hạ tầng	1.291.000.000	100.000.000	3.336.904.000	2.045.904.000
3. Chi phí khác	1.301.009.400		92.200.353	-1.208.809.047
4. Chi phí dự phòng chi			1.947.910.177	1.947.910.177
II. Nguồn vốn	18.579.226.200	6.100.236.000	47.291.239.663	28.712.013.463
1. Chương trình BV và PTR	10.606.854.900	3.605.116.000	25.124.328.303	14.517.473.403
2. Theo Nghị quyết 30a/CP	7.972.371.300	2.495.120.000	22.166.911.360	14.194.540.060

b) Tổng vốn đầu tư của dự án giai đoạn 2015-2020:

b1) Phân theo hạng mục đầu tư:

Tổng vốn đầu tư: 41.191.003.663 đồng:

- Lâm sinh: 35.913.989.132 đồng.
- Cơ sở hạ tầng: 3.236.904.000 đồng.
- Dự phòng chi: 1.947.910.177 đồng.
- Chi phí khác: 92.200.353 đồng.

b2) Phân theo nguồn vốn đầu tư:

Ngân sách Nhà nước cấp 41.191.003.663 đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp theo Chương trình bảo vệ và phát triển rừng: 21.472.885.234 đồng.

- Vốn ngân cấp Nhà nước cấp theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ: 19.718.118.429 đồng.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện: 2011-2020.

Điều 2. Căn cứ điều 1 của Quyết định này,

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể từng hạng mục, báo cáo UBND tỉnh, các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và UBND huyện Ba Tư để theo dõi.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm được giao đảm bảo yêu cầu và theo đúng các quy định Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; thanh quyết toán kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

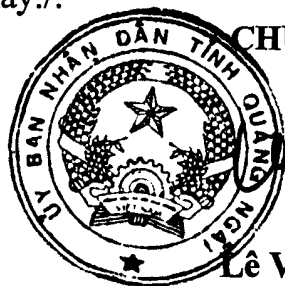
3. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn cho Chương trình Bảo vệ và phát triển rừng theo kế hoạch, để bảo đảm đến năm 2020 độ che phủ rừng toàn tỉnh đạt được chỉ tiêu đã đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ Ban quản lý rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư, giai đoạn 2011-2015;

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Ba Tư; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tư; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh(b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak34.



CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ